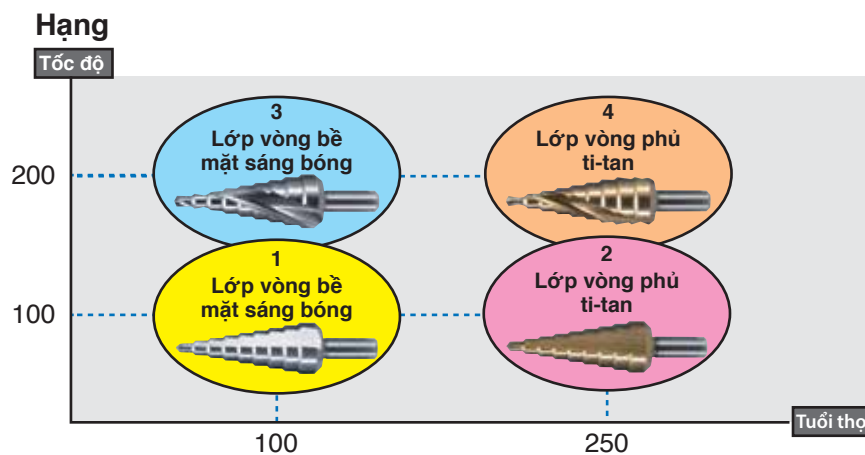
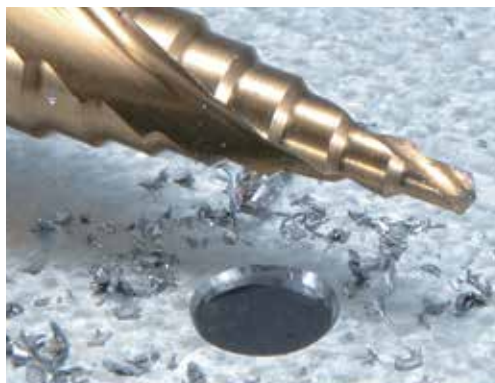


Mũi khoan bậc



Biểu đồ vật liệu

AA : Đề nghị

A : Có thể chấp nhận

Mô tả	Đường rãnh	Bề mặt	Chuôi	Vật liệu				
				Nhựa	*Kim loại màu	Thép tấm	Thép hợp kim	Gang
1	Thẳng	Sáng bóng	3 mặt phẳng hay lục giác	AA	AA	AA	A	A
2	Thẳng	Phủ ti-tan		AA	AA	AA	A	A
3	Xoắn	Sáng bóng		AA	AA	AA	A	A
4	Xoắn	Phủ ti-tan		AA	AA	AA	A	A

* Kim loại màu (đồng, kẽm, niken)

Mũi khoan rộng lỗ



Biểu đồ vật liệu

AA : Đề nghị

A : Có thể chấp nhận

Mô tả	Làm từ	Loại	Chuôi	Vật liệu					
				Gỗ	Nhựa	*Kim loại màu	Gang	Thép hợp kim	Thép không gỉ
7 lưỡi cắt	Thép hợp kim	Khoan nông	Lục giác 6mm	AA	AA	AA	AA		
5 lưỡi cắt	Thép gió	Thích hợp cho việc khoan mặt phẳng	Chuôi thẳng	AA	AA	AA	AA	AA	
3 lưỡi cắt	HSS	Khoan sâu	Lục giác 6mm (hình C)	AA	AA	AA	AA	AA	
3 lưỡi cắt		Thích hợp cho khoan sâu.	Chuôi thẳng	AA	AA	AA	AA	AA	
Vát lỗ	Thép gió	Khoan nông	Chuôi thẳng		AA	AA	AA	AA	A

*Kim loại màu (đồng, kẽm, niken)

Mũi khoan hình chóp



Chuôi thẳng (3 mặt phẳng)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
3-14	58	38	Thẳng (3 mặt phẳng)	1	D-40048
4-20	71	51	Thẳng (3 mặt phẳng)	1	D-40054

Mũi khoan hình chóp



Chuôi thẳng (3 mặt phẳng)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
16-30.5	76	51	Thẳng (3 mặt phẳng)	1	D-40060
24-40	89	64	Thẳng (3 mặt phẳng)	1	D-40076

Mũi khoan bậc sọc thẳng



Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
4-12	65	45	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	D-46414
4-20	75	53	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	D-46420

Chuôi thẳng (3 mặt phẳng)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
4-32	102	80	Thẳng (3 mặt phẳng)	1	D-40107

Mũi khoan bậc sọc thẳng phủ Ti-tan



Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
4-12	65	45	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	D-46436
4-20	75	53	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	D-46442

Chuôi thẳng (3 mặt phẳng)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
4-32	102	80	Thẳng (3 mặt phẳng)	1	D-40135

Mũi khoan bậc cấp tròn



Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
4-12	65	45	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	D-46458
4-20	75	53	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	D-46464

Chuôi thẳng (3 mặt phẳng)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
4-32	102	80	Thẳng (3 mặt phẳng)	1	D-40163

Mũi khoan bậc phủ Ti-tan



Chuôi lục giác 1/4" (NZ)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
4-12	65	45	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	D-46470
4-20	75	53	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	D-46486

Chuôi thẳng (3 mặt phẳng)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
4-32	102	80	Thẳng (3 mặt phẳng)	1	D-40191

Bộ mũi khoan bậc, rãnh thẳng, phủ Ti-tan



Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Độ dài làm việc (mm)	Kiểu chuôi	Cái/hộp	Mã số
4-12	65	45	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	D-41872
4-20	75	53	Chuôi lục giác 1/4" (NZ)	1	
4-32	102	80	Thẳng (3 mặt phẳng)	1	

MŨI KHOAN RỘNG LỖ

Mũi khoan rộng lỗ 7 lưỡi cắt 90°



Chuôi lục giác



Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Cái/ hộp	Áp dụng	Mã số
13	50	1	-	D-37306

Mũi khoan rộng lỗ 3 lưỡi cắt 90°



Lục giác (hình C)

Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Cái/ hộp	Áp dụng	Mã số
6.3	31	1	M3	D-37312
8.3	31	1	M4	D-37328
10.4	34	1	M5	D-37334
12.4	35	1	M6	D-37340
16.5	40	1	M8	D-37356
20.5	41	1	M10	D-37362

Mũi khoan rộng lỗ 5 lưỡi cắt 90°



Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Cái/ hộp	Áp dụng	Mã số
6	48	1	M3	D-37378
8	48	1	M4	D-37384
10	40	1	M5	D-37390
12	40	1	M6	D-37409
16	43	1	M8	D-37415
20	45	1	M10	D-37421

Mũi khoan rộng lỗ 3 lưỡi cắt 90°



Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Cái/ hộp	Áp dụng	Mã số
6.3	45	1	M3	D-37437
8.3	50	1	M4	D-37443
10.4	50	1	M5	D-37459
12.4	56	1	M6	D-37465
16.5	60	1	M8	D-37471
20.5	63	1	M10	D-37487
25	67	1	M12	D-37493

Mũi vát lỗ



Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Cái/ hộp	Áp dụng	Mã số
2-5	45	1	-	D-37502
5-10	48	1	-	D-37518
10-15	65	1	-	D-37524
15-20	85	1	-	D-37530

Mũi khoét phủ titan với 5 cạnh 82°



Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Cái/ hộp	Áp dụng	Mã số
1/2"	1-5/8"	1	-	B-30031

Bộ mũi khoan sắt rộng lỗ 6 cái/bộ



Đường kính mũi (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Cái/ hộp	Áp dụng	Mã số
6.3	45	1	M3	D-42204
8.3	50	1	M4	
10.4	50	1	M5	
12.4	56	1	M6	
16.5	60	1	M8	
20.5	63	1	M10	